

# 10th Asian Lawn Bowls Championship 2014 and 8th Asia Under 25 Singles Championship 2014

## 2014年第十届亚洲草地滚球锦标赛和2014年第八届亚洲25岁以下单打锦标赛

### Fixture 赛程表

日数 Day	日期 Date	时间 Time	线道1 Rink1	线道2 Rink2	线道3 Rink3	线道4 Rink4	线道5 Rink5	线道6 Rink6	线道7 Rink7	线道8 Rink8	线道9 Rink9	线道10 Rink10	线道11 Rink11	线道12 Rink12	线道13 Rink13	线道14 Rink14	
Day 1 (Wed)	3/12	8:30	A1 v A2	A3 v A4	B1 v B2	B3 v B4	G1 v G2	G3 v G4	H1 v H2	H3 v H4	P1 v P2	P3 v P4	N1 v N2	N3 v N4	X1 v X2	X3 v X4	
		11:30	午餐 Lunch														
		13:00	开幕典礼, Opening ceremony														
		14:30	Q1 v Q2	Q3 v Q4	R1 v R2	R3 v R4	Y5 v Y6	Y3 v Y4	Y1 v Y2	X8 v X7	G2 v G3	G4 v G5	H2 v H3	H4 v H5	X5 v X6		
Day 2 (Thu)	4/12	8:30	G1 v G4	G3 v G5	H1 v H4	H3 v H5	N2 v N3	N4 v N5	A2 v A3	A4 v A5	B2 v B3	B4 v B5	X3 v X6			X1 v X5	
		11:30	午餐 Lunch														
		12:30	N1 v N4	N3 v N5	P1 v P4	P2 v P3	Q2 v Q3	Q1 v Q4	R2 v R3	R1 v R4	Y6 v Y4	Y7 v Y2	Y5 v Y1	X1 v X3	X9 v X8	X2 v X7	
		15:00	H2 v H4	H1 v H5	G2 v G4	G1 v G5	X4 v X6	X2 v X9	X5 v X7		A2 v A4	A1 v A5	B2 v B4	B1 v B5			
Day 3 (Fri)	5/12	8:30		B3 v B5	A1 v A4	A3 v A5	B1 v B4	X4 v X1	X3 v X9		N2 v N4	N1 v N5	G2 v G5	G1 v G3	H2 v H5	H1 v H3	
		11:30	午餐 Lunch														
		12:30	X7 v X6	X2 v X8	N2 v N5	N1 v N3	P2 v P4	P1 v P3	Q2 v Q4	Q1 v Q3	R2 v R4	R1 v R3	A2 v A5	A1 v A3	B2 v B5	B1 v B3	
		15:00	WP_SF1	WP_SF2	MF_SF1	MF_SF2	WT_SF1	WT_SF2		Y6 v Y3	MS_SF1	MS_SF2	Y4 v Y7	Y2 v Y5			
Day 4 (Sat)	6/12	8:30		MF_F	MS_F	WT_F	WP_F			X6 v X1	X8 v X4	X3 v X7	X9 v X5	Y6 v Y7	Y4 v Y5	Y1 v Y3	
		11:30	午餐 Lunch														
		12:30	G1 v C2	C3 v C4	D1 v D2	D3 v D4	E1 v E2	E3 v E4	F1 v F2		F3 v F4	L3 v L4	L1 v L2	M1 v M2	M3 v M4		
		15:00		Y7 v Y1	Y3 v Y5	Y2 v Y4	L2 v L3	L4 v L5	X8 v X1	X3 v X5	X6 v X2	X4 v X9	S1 v S2	S3 v S4	T1 v T2	T3 v T4	
Day 5 (Sun)	7/12	8:30	X3 v X8	X7 v X4	X5 v X2	X1 v X9	Y3 v Y2	Y5 v Y7	C2 v C3	C4 v C5	D2 v D3	D4 v D5	E1 v E4	E3 v E5	F1 v F4	F3 v F5	
		11:30	午餐 Lunch														
		12:30	L1 v L4	L3 v L5	M1 v M4	M2 v M3	S2 v S3	S1 v S4	T2 v T3	T1 v T4	E2 v E3	E4 v E5	F2 v F3	F4 v F5	Y1 v Y6		
		15:00	D2 v D4	D1 v D5	C2 v C4	C1 v C5	F2 v F4	F1 v F5	E2 v E4	E1 v E5	L2 v L4	L1 v L5	X2 v X3	X5 v X4	X9 v X7	X8 v X6	
Day 6 (Mon)	8/12	8:30	X4 v X2	X9 v X6	X1 v X7	X8 v X5	C1 v C4	C3 v C5	D1 v D4	D3 v D5	S2 v S4	S1 v S3	T2 v T4	T1 v T3			
		11:30	午餐 Lunch														
		12:30	F2 v F5	F1 v F3	E2 v E5	E1 v E3	M2 v M4	M1 v M3	L2 v L5	L1 v L3			C2 v C5	C1 v C3	D1 v D3	D2 v D5	
		15:00	WF_SF1	WF_SF2	WS_SF1	WS_SF2	MT_SF1	MT_SF2			MP_SF1	MP_SF2	Y2 v Y6	Y4 v Y1	Y7 v Y3		
Day 7 (Tue)	9/12	9:00		MP_F	MT_F	WF_F	WS_F	BS_F	GS_F								
		12:00	午餐 Lunch														
		14:00	颁奖典礼 Prize presentation														